

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/4/2021

*“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Chính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Trần Hậu Diêu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân Thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 165/2020/TLST-HNGĐ ngày 23/12/2020 về *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/ QĐXXST-HNGĐ ngày 07/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Võ Thị Q;** Sinh năm: 1970; Địa chỉ: đường P, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Cán bộ Trường T - Hà Tĩnh; *Có mặt*

Bị đơn: **Anh Thái Minh S;** Sinh năm: 1966; Địa chỉ: đường P, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Cán bộ Đội Cảnh sát P thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh; *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Q trình bày:

Chị và anh Thái Minh S tổ chức lễ cưới ngày 18/7/1990, hôn nhân tự nguyện, hai vợ chồng đến UBND phường B, thành phố H để đăng ký kết hôn nhưng do bận việc chưa hoàn thành thủ tục nên không có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi cưới về sống chung tại tổ dân phố 1, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng chung sống đến nay đã hơn 30 năm nhưng chỉ có hai năm đầu tình cảm hạnh phúc, còn 28 năm nay vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S có tính đào hoa, không chung thủy, hay uống rượu về gây gổ đánh đập. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, từ tháng 11 năm 2020 chị về nhà em gái ở, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng được gia đình, cơ quan, bạn bè hòa giải nhiều nhưng tính anh

S không thay đổi nên tình cảm không thể hàn gắn được. Nay xét thấy tình cảm không còn nên xin được ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung tên là Thái Minh T, sinh ngày 22/12/1992 và Thái Võ Khánh L, sinh ngày 21/9/2003. Con Thái Minh T đã trưởng thành, có gia đình riêng. Chị có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Thái Võ Khánh L, cấp dưỡng nuôi con tùy theo tấm lòng của anh S đối với con. Anh S cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 4/2021 đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi với phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, chị chấp nhận và không yêu cầu tiền lãi chậm trả.

Về tài sản: Vợ chồng có tài sản chung là thửa đất và ngôi nhà trên đất tại phường B, thành phố H. Tại đơn khởi kiện chị có yêu cầu được giao quyền sử dụng thửa đất và căn nhà, đưa lại phần chênh lệch tài sản cho anh S. Tuy nhiên, ngày 07/4/2021 chị có đơn rút yêu cầu chia tài sản để vợ chồng tự thỏa thuận. Không có nợ chung.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Thái Minh S trình bày:

Anh thừa nhận về quan hệ hôn nhân đúng như chị Võ Thị Q trình bày, mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống không thể tránh khỏi, tuy nhiên hằng năm gia đình anh chị đều đạt gia đình văn hóa, tình cảm vợ chồng không còn, chị Q xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Có hai con chung tên là Thái Minh T, sinh ngày 22/12/1992 và Thái Võ Khánh L, sinh ngày 21/9/2003. Con Thái Minh T đã trưởng thành, việc ở với ai là quyền của con. Anh đồng ý giao con Thái Võ Khánh L cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 4/2021 đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi với phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Võ Thị Q khởi kiện xin ly hôn với anh Thái Minh S (trú tại: phường B, thành phố H). Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị Võ Thị Q và anh Thái Minh S chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 18/7/1990 và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, anh chị thừa nhận không đăng ký kết hôn là phù hợp với xác nhận của UBND phường B, thành phố H, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[3] Chị Võ Thị Q và anh Thái Minh S có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Chị Võ Thị Q khởi kiện xin ly hôn anh Thái Minh S căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị Q và anh Thái Minh S.

[4] Về con chung: Chị Q và anh S đều thừa nhận có 2 con chung tên là Thái Minh T, sinh ngày 22/12/1992 và Thái Võ Khánh L, sinh ngày 21/9/2003. Con Thái Minh T nay đã trưởng thành, có gia đình riêng. Chị Q và anh S thỏa thuận chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Thái Võ Khánh L là phù hợp với nguyện vọng của con và quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên thỏa thuận, anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 4/2021 đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi với phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là phù hợp Điều 82, 83, 107, 110, 116, 117 và 118 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Chị Q không yêu cầu lãi suất chậm thi hành án, miễn xét.

[5] Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện ngày 16/12/2020, chị Q yêu cầu Tòa án chia tài sản chung vợ chồng nhưng đến ngày 07/4/2021 chị Q có đơn xin rút yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, bị đơn anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Xét thấy, việc rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung của chị Q là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Q.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Võ Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 53, các điều 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 và 118 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 18, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị Q và anh Thái Minh S.

2. Về con chung: Giao con Thái Võ Khánh L, sinh ngày 21/9/2003 cho chị Võ Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Thái Minh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Thái Võ Khánh L mỗi tháng 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) kể từ tháng 4/2021 đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi với phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Võ Thị Q về việc chia tài sản chung vợ chồng. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Buộc chị Võ Thị Q phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 24.300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001585 ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Trả lại cho chị Q số tiền 24.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- THADS TP Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Trần Đức Chính